

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Nhung
- Ông Nguyễn Tấn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Thu T; sinh năm: 1989; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

- *Bị đơn:* anh Bùi Tấn L; sinh năm: 1986; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

(chị T, anh L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 02-8-2023 và qua làm việc nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Bùi Tấn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, không tổ chức lễ cưới, nên không có nữ trang, có tìm hiểu, không đăng ký kết hôn. Anh chị về sống chung gia đình chồng, đến giữa năm 2022 anh chị về sống chung gia đình chị tại A, T, Tây Ninh. Thời gian chung sống đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, do chị mượn tiền dùm bạn mà bạn chị không trả lại, nên anh L hay la lối chửi mắng chị, cuộc sống không hạnh phúc, đến tháng 3-2023 chị bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở riêng, anh L dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023. Thời gian này anh L có gọi điện kêu chị về ở lại, chị không

đồng ý thì anh hăm dọa sẽ đánh chị, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm nữa, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: có 01 cháu Bùi Phương A, sinh ngày 10-6-2017, hiện anh L đang nuôi, chị yêu cầu giao cho anh L nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị làm có tiền sẽ phụ anh L nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 17-10-2023 chị có đơn xin vắng mặt. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17-10-2023 và qua làm việc bị đơn anh Bùi Tấn L trình bày:

Về hôn nhân: anh xác nhận tất cả lời trình bày của chị T là đúng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3-2023 đến nay. Thời gian này anh có gọi điện yêu cầu vợ về ở lại, nhưng vợ không chịu về mà đòi ly hôn. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con như vợ khai là đúng, hiện anh đang nuôi, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 17-10-2023 anh có đơn xin vắng mặt. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị T, anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Thu T với anh Bùi Tấn L là vợ chồng; về con chung: giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 10-6-2017 cho anh L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không có, nên không giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị T, anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị T, anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị T xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của anh chị chỉ căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn

nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị T và anh L là vợ chồng là phù hợp.

[3] *Về con chung*: chị T, anh L thống nhất giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 10-6-2017 cho anh L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh chị thoả thuận tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và về nợ chung*: chị T, anh L khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên bố*: không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Thu T với anh Bùi Tấn L là vợ chồng .

2. *Về con chung*: giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 10-6-2017 cho anh Bùi Tấn L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và về nợ chung*: chị T, anh L khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị Phạm Thị Thu T chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0027590 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. An Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An